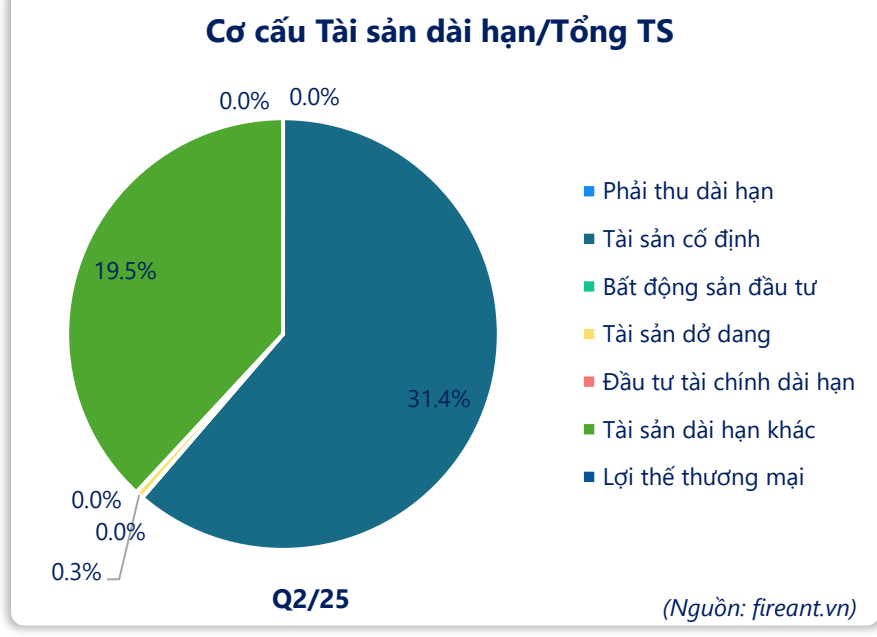
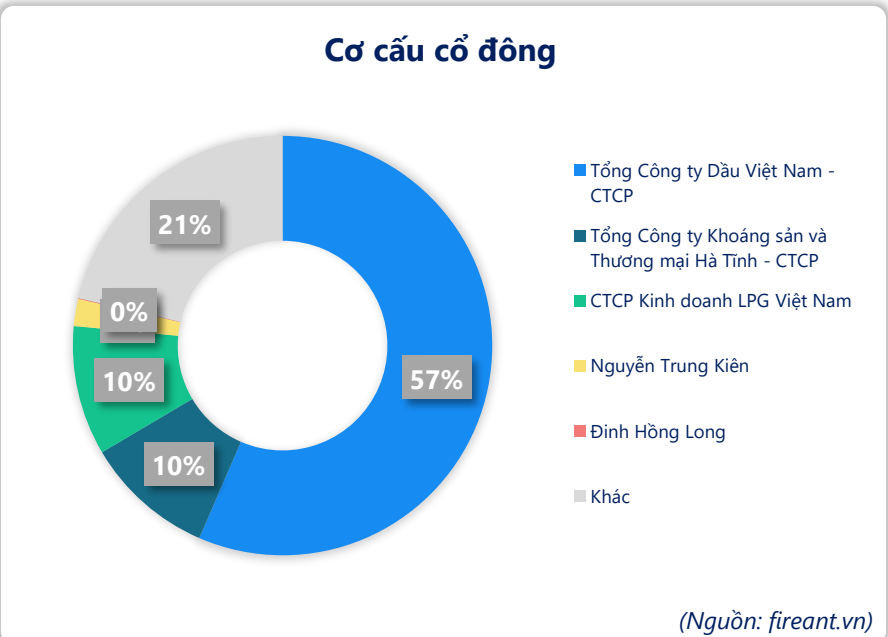
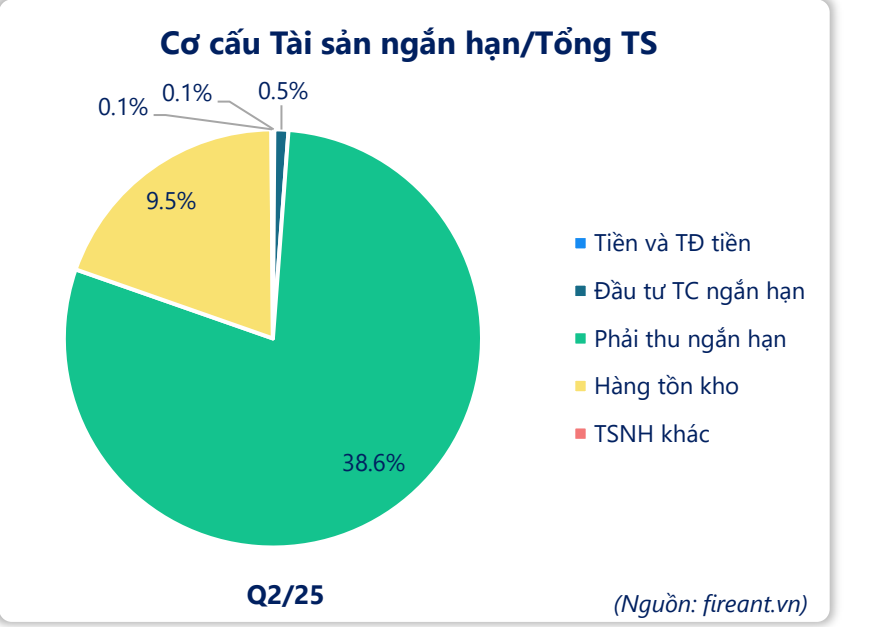
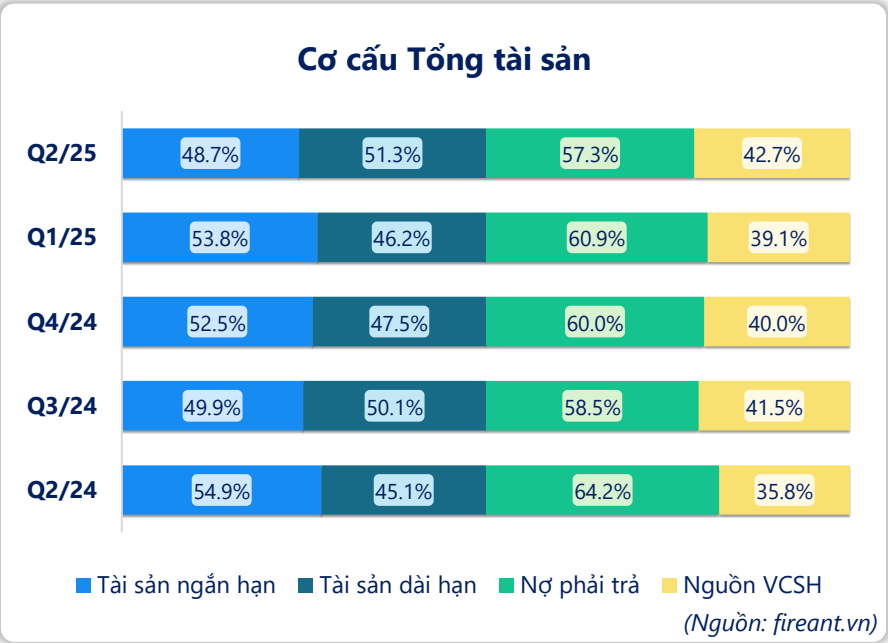
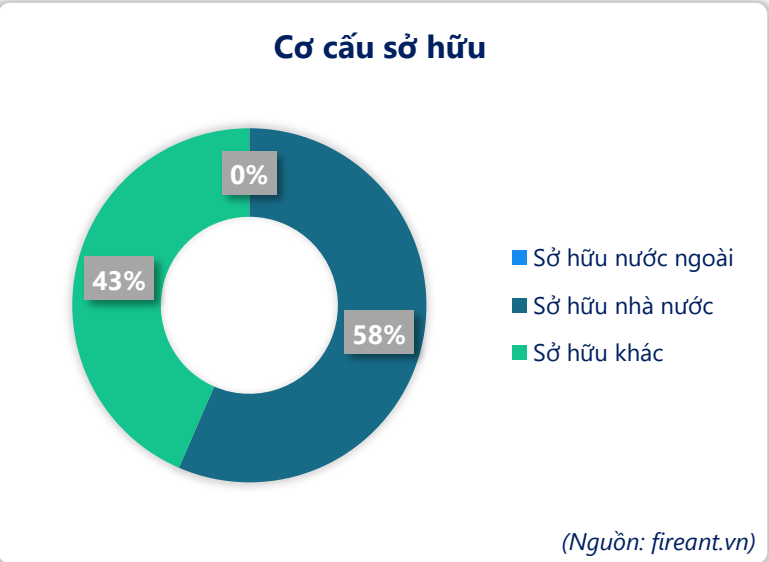
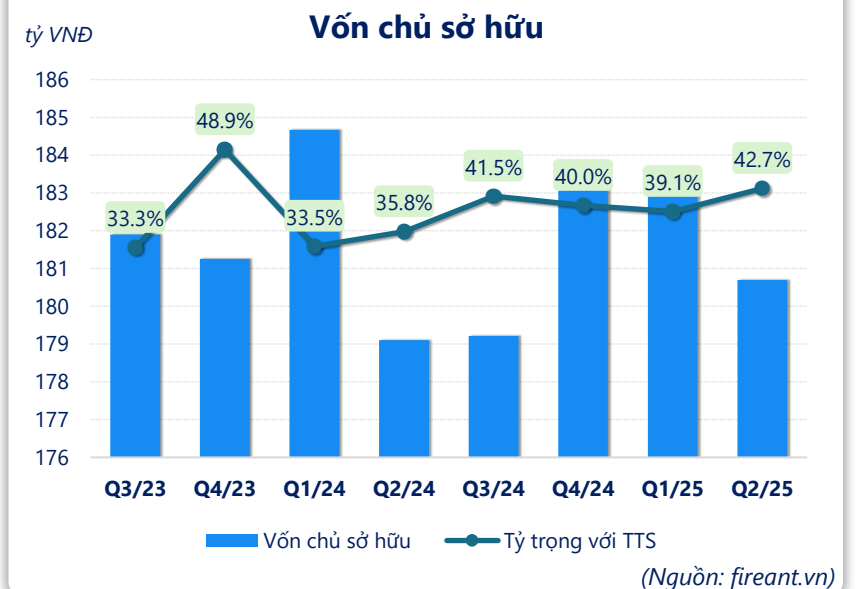
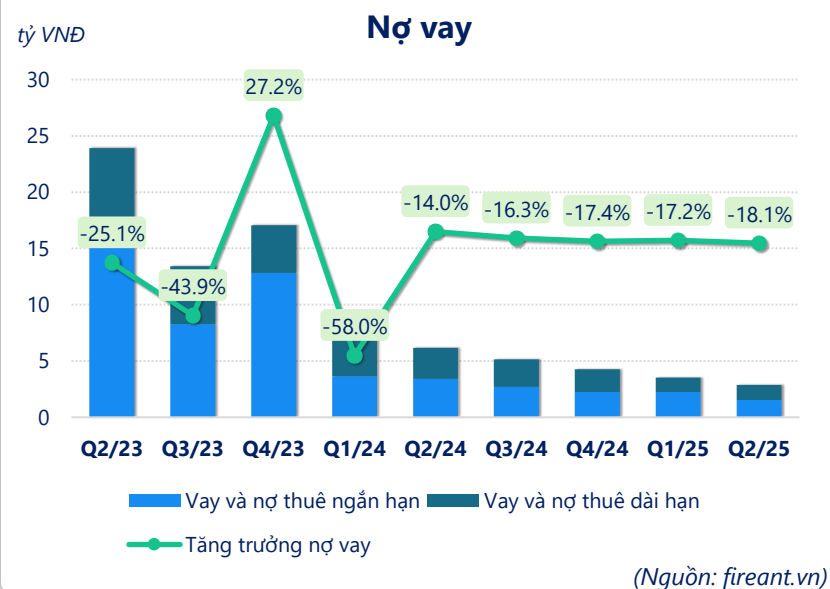
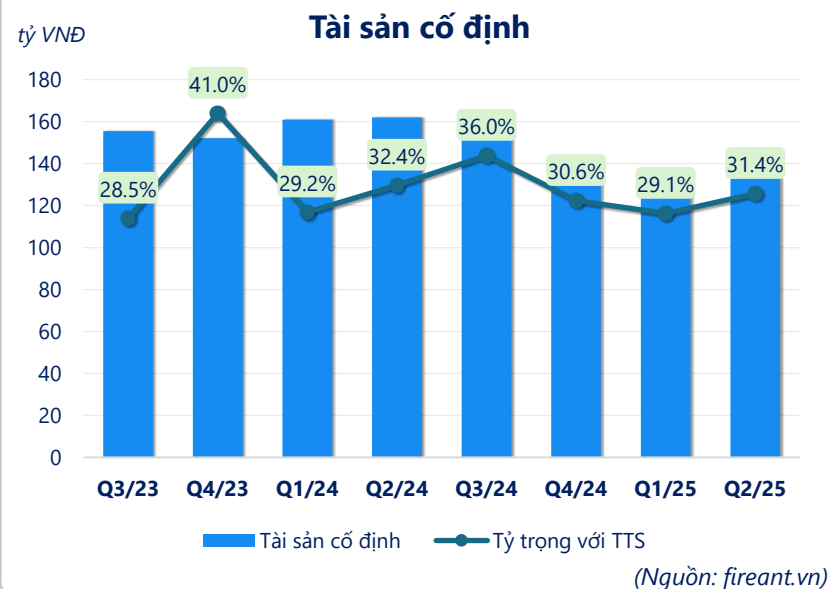
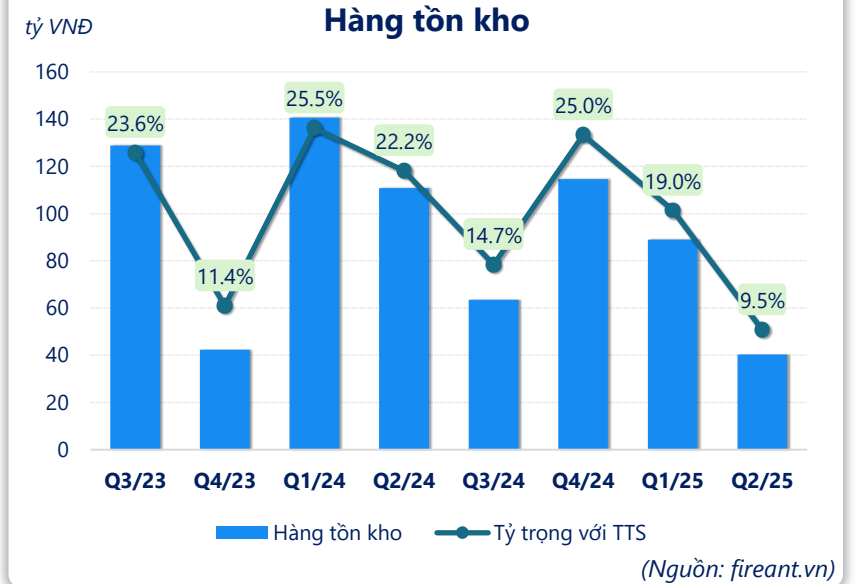
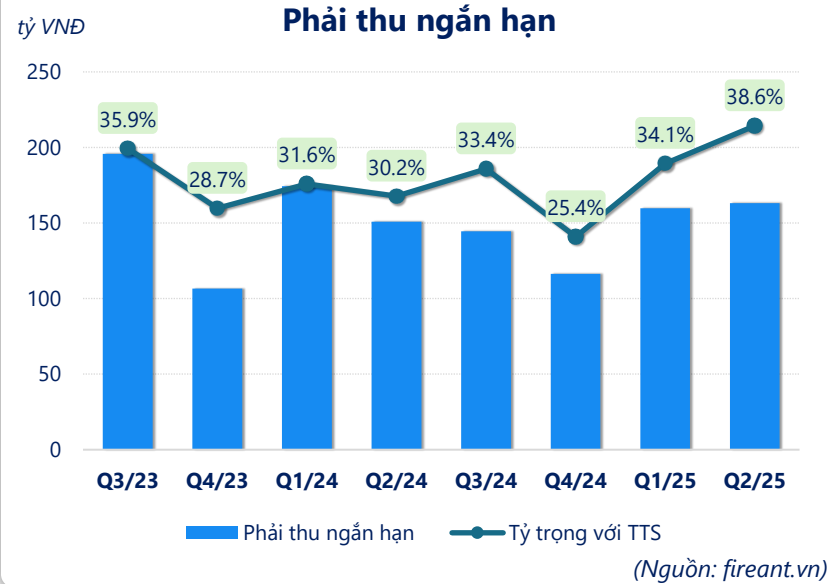
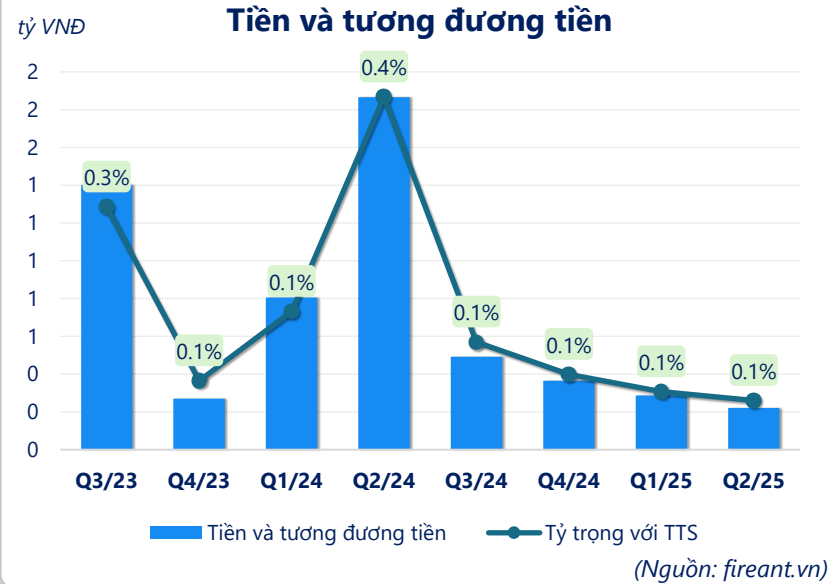
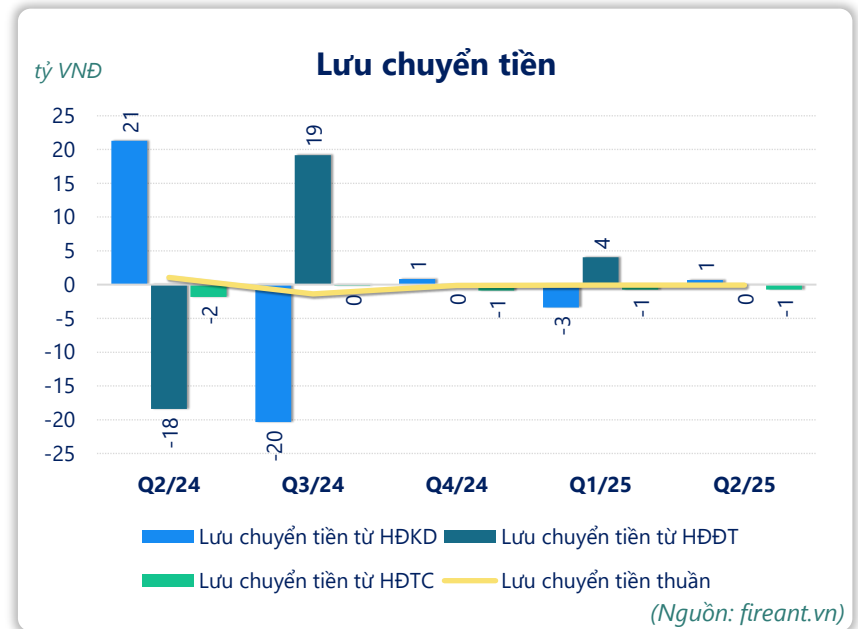
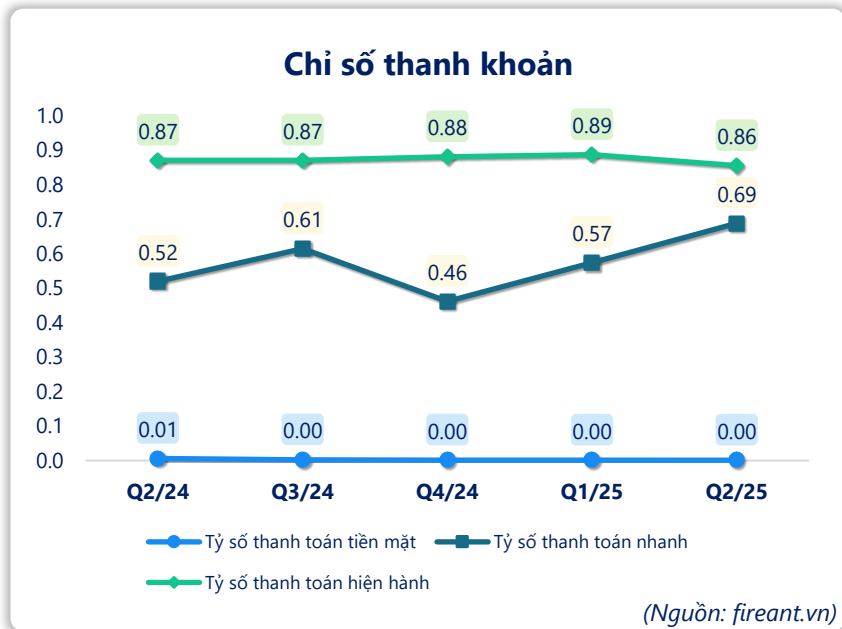
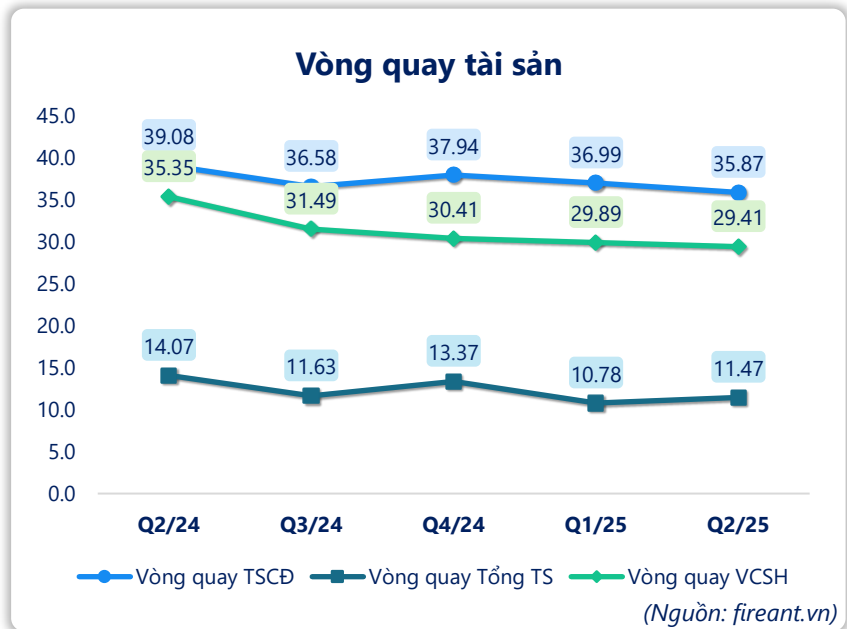
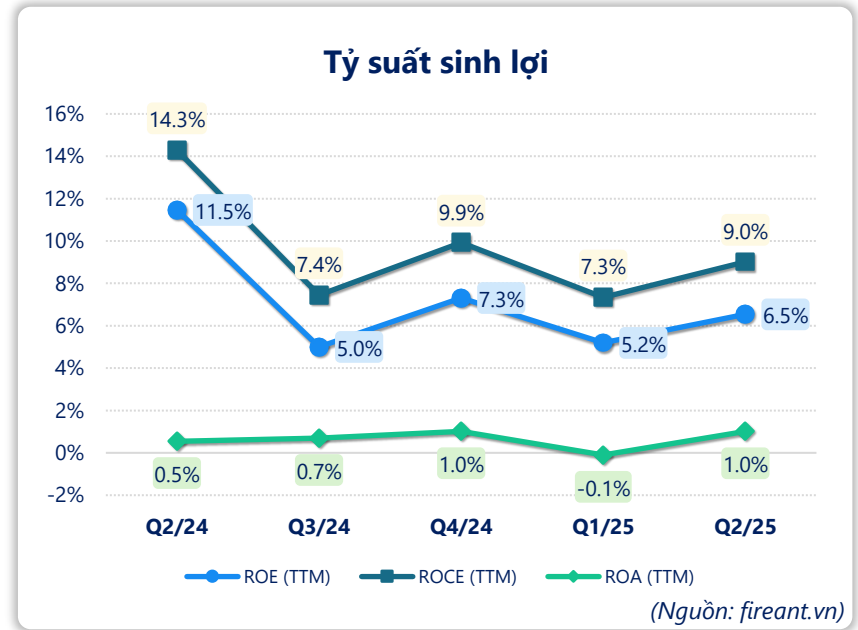
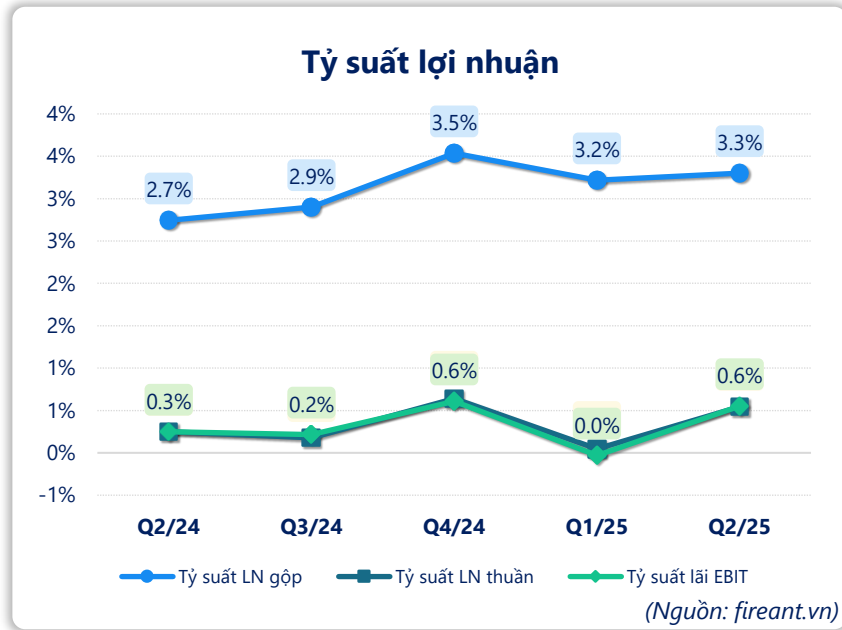
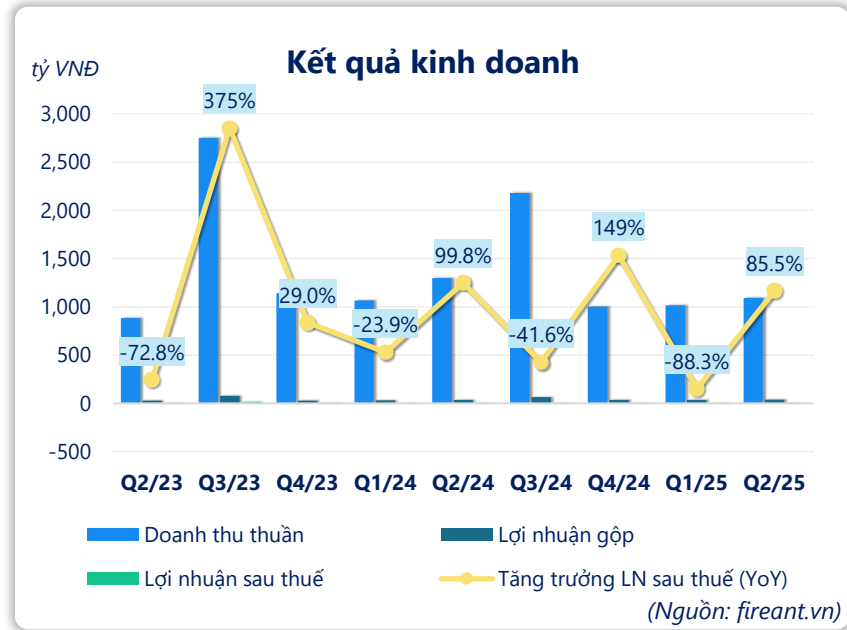


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,662
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,737
SL cổ phiếu LH		12,499,612
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,050
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		104
P/E		8.8
EPS		941

	YTD	1T	3T	6T
POV	1.5%	10.6%	3.9%	2.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	423	458	-7.7%
Tài sản ngắn hạn	206	240	-14.1%
Tiền và tương đương tiền	0.22	0.37	-39.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.24	6.28	-64.3%
Phải thu ngắn hạn	163	116	41.0%
Hàng tồn kho	40.3	115	-64.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	3.10	-92.2%
Tài sản dài hạn	217	218	-0.6%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	133	140	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.30	1.13	14.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	82.6	76.7	7.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	242	275	-11.8%
Nợ ngắn hạn	241	273	-11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.54	2.25	-31.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	160	208	-23.3%
Nợ dài hạn	1.35	2.00	-32.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.35	2.00	-32.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	181	183	-1.5%
Vốn chủ sở hữu	181	183	-1.5%
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,297	2,179	1,003	1,016	1,093
Giá vốn hàng bán	1,261	2,116	967	983	1,057
Lợi nhuận gộp	35.6	63.2	35.5	32.7	36.1
Doanh thu HĐTC	0.89	0.59	0.16	0.21	0.42
Chi phí TC	0.16	0.51	0.10	0.10	0.16
Chi phí lãi vay	0.16	0.51	0.10	0.10	0.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	30.9	54.2	24.3	29.4	28.2
Chi phí QLDN	2.21	5.29	4.82	2.90	2.20
LN thuần từ HĐKD	3.22	3.83	6.42	0.48	5.95
Lợi nhuận khác	-0.12	0.38	-0.42	-0.89	-0.07
LN trước thuế	3.10	4.22	5.99	-0.41	5.88
Lợi nhuận sau thuế	2.44	3.40	4.20	-0.51	4.67
LNST của CĐ cty mẹ	2.44	3.40	4.20	-0.51	4.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.3	-20.4	0.82	-3.41	0.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.4	19.2	-0.05	4.06	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.84	-0.17	-0.90	-0.73	-0.72
Tiền đầu kỳ	0.81	1.87	0.49	0.37	0.29
Lưu chuyển tiền thuần	1.06	-1.37	-0.13	-0.08	-0.07
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.87	0.49	0.37	0.29	0.22

(Nguồn: fireant.vn)